CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH DƯỢC

(Ban hành theo Quyết định số 86/2020 /QĐ-TCQTMK ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Mekong)

Mã MH	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**12**	**255**	**98**	**145**	**12**
MH01	Chính trị	2	30	28	0	2
MH02	Pháp luật	1	15	14	0	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	0	29	1
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	14	29	2
MH05	Tin học	2	45	14	29	2
MH06	Ngoại ngữ	4	90	28	58	4
II	**Các môn học/mô đun chuyên môn**	**63**	**1445**	**546**	**830**	**69**
II.1	***Các môn học/mô đun cơ sở***	**14**	**255**	**154**	**87**	**14**
MH07	Hóa phân tích	4	90	28	58	4
MH08	Tổ chức quản lý Y tế	2	30	28	0	2
MH09	Truyền thông – Giáo dục sức khỏe	2	30	28	0	2
MH10	Y học cơ sở	3	45	42	0	3
MH11	Thực vật dược	3	60	28	29	3
II.2	***Các môn học/mô đun chuyên môn***	**41**	**840**	**364**	**435**	**41**
MH12	Pháp chế dược	3	45	42	0	3
MH13	Bảo quản thuốc và thiết bị Y tế	2	30	28	0	2

Mã MH	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH14	Dược liệu	5	120	28	87	5
MH15	Bào chế	5	120	28	87	5
MH16	Hóa dược – Dược lý	5	120	28	87	5
MH17	Dược lâm sàng	2	30	28		2
MH18	Kỹ năng bán thuốc	5	120	28	87	5
MH19	Kiểm nghiệm thuốc	3	60	28	29	3
MH20	Marketing dược phẩm	3	60	28	29	3
MH21	Quản trị kinh doanh dược	2	30	28		2
MH22	Anh văn chuyên ngành	3	45	42	0	3
MH23	Tin học chuyên ngành	3	60	28	29	3
II.3	***Thực tập***	**6**	**320**	**0**	**308**	**12**
MH24	Thực tập tốt nghiệp (GPP, GMP, Marketing)	6	320	0	308	12
II.4	***Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2)***	**2**	**30**	**28**	**0**	**2**
MH25	Kỹ năng giao tiếp	2	30	28		2
MH26	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30	28		2
Tổng cộng (I+II)		**75**	**1700**	**644**	**975**	**81**